

Số: /QĐ-UBND-HC

Đồng Tháp, ngày tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khu dân cư xã Tân Thuận Đông của Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất thành phố Cao Lãnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều
của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét ý kiến của Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường
của Dự án Khu dân cư xã Tân Thuận Đông đã được tổng hợp tại Công văn số
3047/STNMT-QLMT ngày 20 tháng 07 năm 2023 và Biên bản họp Hội đồng
thẩm định ngày 29 tháng 6 năm 2023 kèm theo;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Khu dân
cư xã Tân Thuận Đông đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số
1370/CV-QLDA&PTQĐ ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Ban Quản lý dự án và
Phát triển Quỹ đất thành phố Cao Lãnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
622/TTr-STNMT ngày 24 tháng 10 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi
trường của dự án Khu dân cư xã Tân Thuận Đông (sau đây gọi là Dự án) của
Ban Quản lý dự án và Phát triển Quỹ đất thành phố Cao Lãnh (sau đây gọi là
Chủ dự án) thực hiện tại xã Tân Thuận Đông, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng
Tháp với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường tại Phụ lục ban hành kèm
theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Khoa học và Công nghệ, Xây dựng, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Công an Tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cao Lãnh và Chủ dự án chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- CT, các PCT/UBND Tỉnh;
- LĐVP/UBND Tỉnh;
- Lưu: VT, NC/ĐTQH.lgv(11 bản).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Thiện Nghĩa

Phụ lục

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN KHU DÂN CƯ XÃ TÂN THUẬN ĐÔNG

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND-HC ngày tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân tỉnh Đồng Tháp)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Khu dân cư xã Tân Thuận Đông.
- Địa điểm thực hiện: xã Tân Thuận Đông, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
- Chủ dự án đầu tư: Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất thành phố Cao Lãnh.
- Địa chỉ: Số 15, đường Lê Văn Chánh, Phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Diện tích mặt đất sử dụng: 6,7909 ha.
- Quy mô dân số của dự án: khoảng 1.100 - 1.500 người (Quyết định số 1894/QĐ-UBND ngày 26/10/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Cao Lãnh).
- Tổng vốn đầu tư dự án: 129.503.405.000 đồng, thuộc dự án nhóm B được phân loại theo tiêu chí pháp luật về đầu tư công.
- Quy mô đầu tư: Tổng diện tích 6,7909 ha, san lấp mặt bằng, giao thông tải trọng 10 tấn; hạ tầng kỹ thuật gồm hệ thống điện (điện sinh hoạt và điện chiếu sáng), hệ thống cấp nước, hệ thống thoát nước (thoát nước thải và thoát nước mặt), hệ thống hào kỹ thuật, vỉa hè và cây xanh, hệ thống xử lý nước thải.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

1.3.1. Hạng mục công trình chính

- San lấp mặt bằng: cao trình thiết kế san lấp +2,8 m (Sử dụng cao độ quốc gia hệ Hòn Dấu – Hải Phòng).
- Đường giao thông: bao gồm Đường 01, Đường 02, Đường 03, Đường 04, Đường 05, Đường 06, Đường 07, Đường 08. Chiều rộng mặt đường rộng từ 5,5m - 9,0m. Mặt đường láng nhựa, trên nền cấp phối đá dăm (Mô đun đàn hồi yêu cầu theo Tiêu chuẩn kỹ thuật Việt Nam; tải trọng trục tính toán tiêu chuẩn 100kN, loại tầng mặt cấp cao A2).
- Hệ thống thu gom, thoát nước:
 - + Hệ thống thu gom, thoát nước mặt: Đầu tư hệ thống thoát nước mặt bằng công bê tông cốt thép ly tâm D600 và D800 có tổng chiều dài 2.477 m, rãnh thoát nước mưa tổng chiều dài 307 m, các hố ga và 02 cửa xả tại kênh Sáng.
 - + Hệ thống thu gom, thoát nước thải: Đầu tư hệ thống thu gom nước thải bằng đường ống HDPE D315 tổng chiều dài 1.102,1 m và đường ống thu gom

PVC D168 tổng chiều dài 742 m kết hợp hồ ga bê tông cốt thép kích thước 1,4mx1,4m. Hệ thống thu gom, thoát nước thải và hệ thống thu gom, thoát nước mưa của dự án được tách biệt.

- Hệ thống cấp nước:

+ Hệ thống cấp nước sinh hoạt: Ống cấp nước sử dụng ống nhựa uPVC D114 x 3,9 vận chuyển nước tổng chiều dài 1.144 m và ống uPVC D90 x 2,9 tổng chiều dài 775 m dùng cấp nước cho nhà dân; những đoạn ống qua đường luồn ống thép mạ kẽm STK D168x4.

+ Hệ thống cấp nước phòng cháy chữa cháy: Hệ thống cấp nước chữa cháy sử dụng chung với hệ thống đường ống cấp chính của nước sinh hoạt.

- Hệ thống cấp điện sinh hoạt: Đầu tư xây dựng mới Nhánh rẽ trung thế 3P-22kV dài khoảng 3.500 m; xây dựng mới 02 Trạm biến áp 3P-400KVA; xây dựng mới lưới hạ thế 3P-4D-380V dài khoảng 2.653 m.

- Hệ thống chiếu sáng công cộng: Toàn bộ hệ thống chiếu sáng được lắp đặt ngầm với tổng chiều dài: 3.105 m (trong đó đi trong hào kỹ thuật là 2.690 m, đi trong rãnh cáp là 415 m) được lắp đặt đi trong hào kỹ thuật và đi ngầm trong rãnh cáp các đoạn từ hào cáp vào đến trụ đèn; kết cấu trụ sắt tráng kẽm, đèn LED chiếu sáng.

- Hào kỹ thuật gồm: Viễn thông, truyền hình, điện trung thế, điện hạ thế, điện chiếu sáng, cấp nước sạch và phòng cháy chữa cháy. Tổng chiều dài hào theo tuyến là 1.575,82 m.

- Hoa viên, cây xanh: Khu đất hoa viên, cây xanh gồm các Khu D1, D2 và D3 với tổng quy mô 7.517m². Cây xanh và khuôn trồng cây được trồng cách khoảng trung bình 10m/cây, các lỗ trồng cây được xây dựng có kích thước 100 x 100 cm bố trí giữa 02 lô nền.

1.3.2. Hạng mục công trình phụ trợ

Bố trí Hệ thống vạch sơn dành cho người đi bộ sang đường, vạch sơn tại tim đường phân cách giữa hai làn xe; biển báo đường giao thông.

1.3.3. Hạng mục công trình bảo vệ môi trường

Nước thải sinh hoạt phát sinh tại các hộ dân thuộc dự án và dự án Cụm dân cư xã Tân Thuận Đông (liên kế dự án, đã được phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 1425/QĐ-UBND-HC ngày 27/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp), phát sinh từ khu thương mại dịch vụ đều được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 03 ngăn trước khi dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án để tiếp tục xử lý, đảm bảo nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B, K=1,0) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt trước khi xả vào Kênh Sáng. Trước khi bố trí dân cư vào ở, Chủ dự án tiến hành đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 500 m³/ngày đêm được chia làm 02 giai đoạn đầu tư với giai đoạn 1 có công suất là 200 m³/ngày đêm, giai đoạn 2 có công suất là 300 m³/ngày đêm để xử lý nước thải phát sinh từ dự án (được bố trí tại khu đất quy hoạch xây dựng khu xử lý

nước thải tập trung khoảng 1.000 m³ theo Quyết định số 1894/QĐ-UBND ngày 26/10/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Cao Lãnh về việc phê duyệt đề án điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chi tiết Khu dân cư xã Tân Thuận Đông).

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Khu đất thực hiện dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa (diện tích 2,5 ha) thuộc thẩm quyền chấp thuận của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh theo quy định của pháp luật về đất đai (theo Nghị Quyết 49/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc thông qua danh mục dự án thu hồi đất năm 2023 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp).

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường diễn ra giai đoạn thi công, xây dựng: Đền bù, giải phóng mặt bằng; các hoạt động phát sinh bụi, khí thải trong quá trình thi công xây dựng như hoạt động đào đất, san lấp mặt bằng, các phương tiện thi công vận chuyển nguyên vật liệu thi công, hoạt động bốc dỡ nguyên vật liệu; nước mưa chảy tràn, nước thải sinh hoạt, nước thải từ hoạt động san lấp; chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn từ hoạt động phát quang; chất thải nguy hại.

- Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường diễn ra trong giai đoạn vận hành:

+ Nước thải sinh hoạt từ các hộ dân sinh sống trong dự án khu dân cư xã Tân Thuận Đông, dự án Cụm dân cư xã Tân Thuận Đông và hoạt động khu thương mại – dịch vụ.

+ Bụi, khí thải từ hoạt động xây dựng nhà ở, khu thương mại - dịch vụ; hoạt động của các phương tiện giao thông; Mùi hôi từ điểm tập kết chất thải, từ Hệ thống thu gom nước thải và hệ thống xử lý nước thải.

+ Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của các hộ dân, từ khu thương mại - dịch vụ; chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại.

+ Tiếng ồn và độ rung từ hoạt động của phương tiện giao thông, máy móc vận hành hệ thống xử lý nước thải.

+ Các sự cố, rủi ro: Sự cố cháy nổ, tai nạn lao động, ngập lụt, sự cố rò rỉ đường ống cấp thoát nước, sự cố trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải của dự án.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh trong giai đoạn thi công, xây dựng của dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải

a. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

- Trong giai đoạn thi công, xây dựng:

+ Nước mưa chảy tràn: Lưu lượng nước mưa chảy tràn trên bề mặt dự án khoảng 671 m³/ngày đêm. Thành phần chủ yếu là các chất rắn lơ lửng.

+ Nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân làm việc tại công trường thi công với lưu lượng khoảng $2,25 \text{ m}^3/\text{ngày}$ đêm (50 công nhân). Thành phần chủ yếu gồm: Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), BOD_5 , COD, Amoni, tổng photpho, dầu mỡ động thực vật, tổng *Coliforms* và các tạp chất khác.

+ Nước thải xây dựng: Nước thải từ hoạt động rửa xe vận chuyển nguyên vật liệu phát sinh khoảng $2,7 \text{ m}^3/\text{ngày}$, thành phần chủ yếu gồm chất rắn lơ lửng, dầu mỡ và đất, cát.

+ Nước thải từ hoạt động bơm cát san lấp mặt bằng, thành phần chủ yếu gồm chất rắn lơ lửng, đất và cát.

- Trong giai đoạn vận hành:

+ Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của các hộ dân sinh sống tại Khu dân cư và khu thương mại - dịch vụ ước tính lưu lượng khoảng $303,83 \text{ m}^3/\text{ngày}$ đêm.

+ Nước thải sinh hoạt phát sinh từ dự án Cụm dân cư Tân Thuận Đông là $144 \text{ m}^3/\text{ngày}$ đêm (Theo Quyết định số 1425/QĐ-UBND-HC ngày 27/12/2022 của UBND tỉnh Đồng Tháp về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Cụm dân cư Tân Thuận Đông).

+ Thành phần chủ yếu gồm có hàm lượng các chất rắn lơ lửng (TSS), các hợp chất hữu cơ dễ phân hủy sinh học, các hợp chất dinh dưỡng (N, P), vi khuẩn.

b. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

- Trong giai đoạn thi công, xây dựng:

+ Bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động của phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, thiết bị thi công xây dựng, thành phần chủ yếu gồm: SO_2 , NO_x , CO, VOC...

+ Bụi từ quá trình đào đất, san lấp mặt bằng xây dựng công trình; khí thải từ quá trình hàn cắt kim loại; mùi từ việc rải nhựa đường cho dự án.

- Trong giai đoạn vận hành:

+ Bụi, khí thải từ phương tiện giao thông ra vào khu vực dự án, thành phần chính bao gồm Bụi, SO_2 , NO_x , CO, VOC,...

+ Khí thải từ quá trình đun nấu: sử dụng gas là nhiên liệu cháy hoàn toàn, do đó hạn chế các loại khí thải khi đốt cháy gas.

+ Mùi: phát sinh từ hệ thống thu gom, thoát nước thải; từ điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt; từ hệ thống xử lý nước thải. Thành phần đặc trưng như: NH_3 , H_2S , Metan,... và các loại khí khác tùy thuộc vào thành phần chất thải.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

a. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

- Trong giai đoạn thi công, xây dựng:

+ Chất thải rắn sinh hoạt: phát sinh từ quá trình sinh hoạt của công nhân tại công trường với khối lượng ước tính khoảng $25\text{kg}/\text{ngày}$. Thành phần chủ yếu

gồm thức ăn thừa, vỏ trái cây, bao bì, chai nhựa, thủy tinh,....

+ Chất thải rắn từ hoạt động phát quang thảm thực vật với khối lượng khoảng 321,2 tấn; thành phần chủ yếu gồm: thực bì, cây cỏ, đất cát bám theo rễ cây,...

+ Chất thải rắn xây dựng: Ước tính tổng khối lượng phát sinh khoảng 16,98 tấn/quá trình thi công, xây dựng tương đương khoảng 1,41 tấn/tháng; thành phần bao gồm bao bì chứa xi măng, sắt, thép, đá, gạch vụn và các loại khác.

- Trong giai đoạn vận hành:

+ Chất thải rắn sinh hoạt: Khối lượng chất thải sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn hoạt động ước tính khoảng 1.500 kg/ngày; thành phần chủ yếu bao gồm thực phẩm dư thừa, giấy vụn, chai nhựa, nilon,...

+ Bùn thải từ hệ thống thu gom thoát nước: Phát sinh trong 06 tháng/lần nạo vét khoảng 38,28 tấn; thành phần bùn thải chủ yếu là đất, cát lắng đọng.

+ Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải: Ước tính khối lượng phát sinh khoảng 125,5 kg/ngày; thành phần chủ yếu là chất hữu cơ.

b. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

- Trong giai đoạn thi công, xây dựng: Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa, thay dầu,... của máy móc, thiết bị thi công, phương tiện vận chuyển nguyên, vật liệu ước tính tổng khối lượng phát sinh là 21 kg/tháng; thành phần chủ yếu gồm dầu nhớt thải, giẻ lau dính dầu nhớt, thùng chứa sơn, cọ dính sơn, chất chống thấm,...

- Trong giai đoạn vận hành: ước tính khối lượng phát sinh khoảng 09 kg/ngày; thành phần chủ yếu gồm đồ gia dụng (bóng đèn huỳnh quang thải, pin thải, ắc quy thải, hộp chứa thuốc diệt côn trùng thải...) và dầu nhớt thải, giẻ lau dính dầu nhớt,...

3.3. Tiếng ồn, độ rung

- Trong giai đoạn thi công, xây dựng: Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, hoạt động của máy móc, thiết bị thi công và hoạt động thi công các hạng mục công trình.

- Trong giai đoạn vận hành: Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của phương tiện giao thông ra vào dự án, từ các thiết bị của Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

3.4. Các tác động khác

- Trong giai đoạn thi công, xây dựng: Tác động đến kinh tế - xã hội, giao thông khu vực (giao thông đường bộ và giao thông thủy), ngập úng, sự cố cháy nổ, tai nạn lao động, sự cố vỡ đê bao san lấp trong khu vực thực hiện dự án.

- Trong giai đoạn vận hành: Sự cố cháy nổ, sự cố về rò rỉ hoặc vỡ đường ống cấp thoát nước, sự cố vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công, xây dựng của dự án đầu tư

4.1. Các công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

a. Về thu gom và xử lý nước thải

- Trong giai đoạn thi công, xây dựng:

+ Đối với nước mưa chảy tràn: Xung quanh khu đất dự án được làm đê bao bằng đất để tránh nước mưa chảy tràn. Đất đắp đê bao lấy từ trong ranh công trình sau đó bơm cát hoàn trả hố đào. Đê chắn cát được thi công hoàn chỉnh trước khi bơm cát. Thiết kế hệ thống mương thoát nước dọc theo phần mép khu vực san lấp nhằm thu gom nước mưa tránh tình trạng ứ đọng, ngập úng.

+ Đối với nước thải sinh hoạt: Bố trí lắp đặt 02 nhà vệ sinh di động để thu gom, lưu chứa nước thải sinh hoạt, Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý nước thải theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

+ Đối với nước thải xây dựng: Thu gom vào rãnh thu gom → Bể lắng cát → Kênh thủy lợi; thời gian lắng khoảng 3-4 giờ.

+ Đối với nước thải từ hoạt động san lấp: Trước khi tiến hành bơm cát sẽ phải đắp đê chắn cát (cao độ +3,0m), tại vị trí qua ao mương gia cố cừ bạch đàn để ngăn nước và giữ cát tránh chảy tràn ra khu vực xung quanh; Đặt ống nhựa PVC miệng bát thoát nước D90mm dày 3,5mm, dùng vải địa kỹ thuật bịt một đầu ống. Mỗi đoạn ống dài 6m được nối bằng phương pháp dán keo và có bọc vải địa kỹ thuật để thoát nước về các vị trí thu nước (vị trí đầu ống thoát nước được xếp rọ đá dăm dạng tầng lọc có kích thước 1m x 1m x 1m nhằm lọc sơ bộ các chất cặn lơ lửng) chảy ra các hố lắng có dung tích 15m³ để lắng lọc sơ bộ lượng nước bơm cát chảy tràn trước khi xả thải ra nguồn tiếp nhận là các Rạch Cá Hồ ở phía Bắc của dự án; thời gian lắng khoảng 3 - 4 giờ.

- Trong giai đoạn vận hành dự án:

+ Xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các hộ dân và khu thương mại - dịch vụ thuộc dự án được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn tại trước khi dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án để tiếp tục xử lý đạt quy chuẩn về môi trường trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

+ Hệ thống xử lý nước thải tập trung:

Vị trí: Hệ thống xử lý nước thải tập trung sẽ được bố trí tại khu đất quy hoạch xây dựng khu xử lý nước thải tập trung (được bố trí tại khu đất quy hoạch xây dựng khu xử lý nước thải tập trung khoảng 1.000 m² theo Quyết định số 1894/QĐ-UBND ngày 26/10/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Cao Lãnh về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chi tiết Khu dân cư xã Tân Thuận Đông).

Nước thải sinh hoạt tại các khu nhà ở được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 500 m³/ngày đêm được chia làm 02 giai đoạn theo tiến độ lấp đầy dự án với giai đoạn 1 có công suất là 200 m³/ngày đêm, giai đoạn 2 có công suất là 300 m³/ngày đêm để xử lý nước thải phát sinh từ dự án, xử lý đạt quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B, hệ số K=1,0 trước khi thoát ra nguồn tiếp nhận (kênh Sáng) tại 01 điểm (hiện trạng kênh Sáng chỉ phục vụ cho mục đích giao thông thủy và tưới tiêu nông nghiệp, không sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt).

Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý nước thải: Nước thải sinh hoạt → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể Anoxic → Bể Aerotank → Bể lắng → Bể khử trùng → Nguồn tiếp nhận nước thải (kênh Sáng).

Phương thức xả thải: liên tục 24 giờ/ngày đêm.

Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B, hệ số K=1,0.

Trước khi bố trí dân cư vào ở, đơn vị quản lý dự án sẽ xin phép đấu nối tại cơ quan có thẩm quyền. Nước thải từ dự án Cụm dân cư Tân Thuận Đông trước khi đấu nối với hệ thống thoát nước của dự án phải được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn tại các hộ gia đình theo đúng các văn bản pháp lý đã được phê duyệt.

b. Biện pháp xử lý bụi, khí thải

- Trong giai đoạn thi công, xây dựng:

+ Yêu cầu đơn vị thi công thực hiện các biện pháp tổ chức thi công phù hợp; tuân thủ các quy định về an toàn và vệ sinh môi trường tại công trường.

+ Các phương tiện, máy móc thi công đạt tiêu chuẩn quy định của Cục Đăng kiểm Việt Nam về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường, che phủ bạt kín khi vận chuyển, không để rơi rớt vật liệu, không chở hàng hóa quá tải trọng cho phép...; thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công; phun nước giảm bụi, thu gom chất thải rơi vãi trên công trường; lắp đặt hệ thống rửa xe tại công trường, đảm bảo tất cả các xe vận chuyển được rửa sạch bùn đất dính bám trước khi ra khỏi công trường; Che chắn bằng vách tole chiều cao 02 mét xung quanh khu vực thi công, khu vực tập kết nguyên liệu.

- Trong giai đoạn vận hành:

+ Thu gom và xử lý lượng chất thải rắn phát sinh từ đường giao thông, cống rãnh, từ điểm tập kết chất thải rắn, từ hệ thống xử lý nước thải,... để phòng ngừa khả năng phân huỷ các chất hữu cơ làm phát sinh khí thải có mùi hôi gây ô nhiễm môi trường.

+ Bố trí các biển báo chỉ đường, yêu cầu giảm tốc độ khi ra vào khu dân cư nhằm hạn chế tối đa lượng bụi phát sinh.

+ Bê tông hóa toàn bộ đường giao thông, vỉa hè.

+ Trồng cây xanh dọc theo vỉa hè và trên dải ngăn cách đường của dự án để tạo cảnh quan và giảm thiểu bụi tiếng ồn.

4.2. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải rắn nguy hại

a. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý thải rắn thông thường

- Trong giai đoạn thi công, xây dựng:

+ Đối với chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí 02 thùng rác bằng nhựa (01 thùng màu xanh chứa chất thải hữu cơ, 01 thùng màu vàng chứa chất thải vô cơ), mỗi thùng có dung tích 600 lít đặt tại khu vực lán trại để thu gom chất thải rắn sinh hoạt của công nhân. Đơn vị quản lý dự án ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định hiện hành. Tần suất thu gom: hàng ngày.

+ Đối với chất thải rắn sinh khối thực vật: hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định;

+ Đối với chất thải rắn xây dựng: Đơn vị quản lý dự án sẽ bố trí các thùng rác có nắp đậy, dung tích 600 lít đặt tại khu vực thi công để thu gom chất thải rắn xây dựng; Bố trí khu vực lưu chứa chất thải rắn xây dựng tạm thời (sắt thép thừa, bao bì xi măng, coffa, ..) có diện tích 50 m² có vách ngăn, mái che bằng tôn và dán biển báo, vị trí gần khu vực lán trại của Dự án.

- Trong giai đoạn vận hành:

+ Đối với chất thải rắn sinh hoạt:

Khu thương mại - dịch vụ: Đơn vị quản lý khu thương mại - dịch vụ có trách nhiệm ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định hiện hành với tần suất thu gom hàng ngày.

Các hộ gia đình và khu vực công cộng: Đơn vị quản lý dự án ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định hiện hành. Tần suất thu gom: hàng ngày. Các hộ gia đình và ban quản lý khu vực công cộng có trách nhiệm chi trả kinh phí dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo quy định pháp luật.

+ Bùn thải từ bể tự hoại của các hộ dân, của khu thương mại - dịch vụ: các hộ dân và chủ đầu tư khu thương mại - dịch vụ có trách nhiệm thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

+ Bùn thải từ quá trình nạo vét cống rãnh: Đơn vị quản lý dự án ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định với tần suất thu gom 06 tháng/lần.

+ Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải: được dẫn về bể chứa bùn. Đơn vị quản lý dự án ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định hiện hành; tần suất thu gom dự kiến: 03 tháng/lần.

b. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Trong giai đoạn thi công, xây dựng: Bố trí các thùng rác chuyên dụng dung tích 60 lít có nắp đậy để lưu chứa; bố trí khu vực lưu giữ tạm thời diện tích

20m² có vách ngăn, mái che, lót bằng pallet và dán nhãn chất thải nguy hại, vị trí gần khu vực lán trại; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- Trong quá trình vận hành: Đơn vị quản lý dự án bố trí khu vực lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại có diện tích 15 m², bên trong có tường bao, mái che, gờ chống tràn, rãnh thu gom và dán biển cảnh báo; bên ngoài bố trí các thiết bị phòng cháy chữa cháy. Vị trí dự kiến bố trí bên cạnh hệ thống xử lý nước thải của dự án.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Yêu cầu đơn vị thi công thực hiện các biện pháp tổ chức thi công phù hợp, tuân thủ các quy định về an toàn và vệ sinh môi trường tại công trường;

- Quản lý tốt sinh hoạt của công nhân, tránh gây ồn ào, mất trật tự trong thời gian nghỉ ngơi của cộng đồng địa phương;

- Các phương tiện, máy móc thi công đạt tiêu chuẩn quy định của Cục Đăng kiểm Việt Nam về mức độ an toàn kỹ thuật và được kiểm tra, bảo dưỡng theo dõi thường xuyên các thông số kỹ thuật.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4.4. Các công trình, biện pháp khác

Áp dụng đầy đủ các biện pháp ứng phó, phòng ngừa sự cố môi trường đã đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, ứng cứu sự cố, rủi ro và các quy định khác của pháp luật trong toàn bộ các hoạt động của dự án. Trường hợp xảy ra sự cố ảnh hưởng đến môi trường và sức khỏe cộng đồng, chủ dự án phải chủ động tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố và khẩn trương báo cáo các cơ quan có thẩm quyền để giải quyết sự cố theo quy định.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư

5.1. Giám sát môi trường giai đoạn thi công, xây dựng

5.1.1. Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại khu vực lưu giữ trong khuôn viên công trường;

- Thông số giám sát: Giám sát khối lượng, công tác phân loại, thu gom, lưu giữ và hợp đồng vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải xây dựng, chất thải nguy hại, chứng từ giao nhận chất thải.

- Tần suất giám sát: hàng ngày;

- Quy định áp dụng: Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

5.1.2. Giám sát môi trường không khí xung quanh

- Vị trí giám sát: 02 vị trí

+ 01 mẫu tại tuyến dân cư hiện hữu tiếp giáp phía Tây Nam của dự án (Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến $105^{\circ}00'$, múi chiếu 3°): X=1153064; Y=566002.

+ 01 mẫu tại khu vực thi công, xây dựng (Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến $105^{\circ}00'$, múi chiếu 3°): X=1153123; Y=566228.

- Thông số giám sát: Tiếng ồn, độ rung, tổng bụi lơ lửng (TSP), SO₂, NO₂, CO.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

5.1.3. Giám sát chất lượng môi trường nước mặt

- Vị trí giám sát:

+ 01 vị trí tại rạch Cá Hồ (Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến $105^{\circ}00'$, múi chiếu 3°): X=1153265; Y=566242;

+ 01 vị trí tại kênh Sáng (Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến $105^{\circ}00'$, múi chiếu 3°): X=1153227; Y=566015.

- Thông số giám sát: pH, oxy hòa tan (DO), BOD₅ (ở 20°C), COD, Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Tổng dầu, mỡ, Coliform.

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 08:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt (mức C).

5.2. Giám sát trong giai đoạn vận hành thử nghiệm (sau khi được cấp Giấy phép môi trường)

5.2.1. Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

- Vị trí giám sát: Giám sát tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt, bùn thải và chất thải nguy hại.

- Chỉ tiêu giám sát: Giám sát khối lượng, công tác phân loại, thu gom, lưu giữ và hợp đồng vận chuyển, xử lý chất thải rắn.

- Quy định áp dụng: Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

5.2.2. Giám sát chất lượng nước thải

- Vị trí giám sát: Số lượng mẫu đầu vào và mẫu đầu ra sau hệ thống xử lý nước thải.

- Thông số giám sát: Lưu lượng, pH, BOD₅ (20°C), Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Tổng chất rắn hòa tan, Sunfua (tính theo H₂S), Amoni (tính theo N), Nitrat (NO₃⁻) (tính theo N), Phosphat (PO₄³⁻) (tính theo P), Dầu mỡ động, thực vật, Tổng các chất hoạt động bề mặt và Tổng *Coliforms*.

- Tần suất giám sát: Thực hiện theo quy định của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B, hệ số K=1,0.

5.3. Giám sát trong giai đoạn vận hành

5.3.1. Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, khu vực lưu giữ bùn thải.

- Chỉ tiêu giám sát: Giám sát khối lượng, công tác phân loại, thu gom, lưu giữ và hợp đồng vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, bùn thải, chất thải nguy hại, chứng từ giao nhận chất thải.

- Tần suất giám sát: hàng ngày.

- Quy định áp dụng: Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

5.3.2. Giám sát chất lượng nước thải

- Vị trí giám sát: 01 mẫu đầu ra của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Thông số giám sát: Lưu lượng, pH, BOD₅ (20°C), Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Tổng chất rắn hòa tan, Sunfua (tính theo H₂S), Amoni (tính theo N), Nitrat (NO₃⁻) (tính theo N), Phosphat (PO₄³⁻) (tính theo P), Dầu mỡ động, thực vật, Tổng các chất hoạt động bề mặt và Tổng *Coliforms*.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần;

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B, K=1,0.

5.3.3. Giám sát việc thi công đấu nối nước thải của các hộ dân và khu thương mại - dịch vụ

- Chủ đầu tư sẽ yêu cầu đơn vị vận hành, bảo dưỡng hệ thống thoát nước thực hiện giám quá trình thi công đấu nối nước thải của các hộ dân, nước thải từ khu thương mại-dịch vụ vào hệ thống thoát nước thải chung của Khu dân cư.

- Tần suất giám sát: thường xuyên, liên tục.

- Giám sát về việc thỏa thuận đấu nối, vị trí đấu nối, cao độ đấu nối, hộp đấu nối, thời điểm đấu nối, chất lượng, khối lượng nước thải xả vào điểm đấu nối.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

6.1. Chủ dự án thực hiện quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của dự án được duy trì, vận hành hiệu quả.

6.2. Thực hiện nghiêm túc các quy định pháp luật của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam về đất đai, tài nguyên nước và bảo vệ môi trường trong mọi hoạt động triển khai thực hiện của dự án.

6.3. Tổ chức phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ các loại chất thải phát sinh trong quá trình thực hiện dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

6.4. Tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường hiện hành có liên quan, đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện; các quy định của pháp luật hiện hành về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường; các yêu cầu về tiêu thoát nước, an toàn thực phẩm, an toàn lao động, phòng chống cháy, nổ và các quy phạm kỹ thuật trong quá trình thực hiện dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành.

6.5. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình thẩm định, phê duyệt thiết kế và thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án.

6.6. Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp, đảm bảo không làm hư hỏng hệ thống thủy lợi, giao thông nội đồng và ảnh hưởng xấu tới việc sản xuất nông nghiệp ở các khu vực liền kề và hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến cảnh quan, môi trường, chất lượng nước kênh mương, hệ thủy sinh, hoạt động giao thông đường bộ và các hoạt động kinh tế dân sinh khác trên khu vực thực hiện Dự án; phối hợp với cơ quan chức năng có thẩm quyền trong việc cải tạo kênh, mương, bảo đảm không gây gián đoạn nguồn nước cấp phục vụ hoạt động sản xuất nông nghiệp cho người dân khu vực Dự án.

6.7. Chịu trách nhiệm toàn bộ và cam kết đền bù, khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố, sạt lở, sụt lún do hoạt động thi công các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án gây ra. Lập kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định. Chủ động thường xuyên kiểm tra, giám sát, phát hiện các nguy cơ sự cố để kịp thời khắc phục và báo cáo cơ quan chức năng. Đảm bảo trong quá trình hoạt động của dự án không để xảy ra các sự cố về môi trường.

6.8. Lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường trình cơ quan chức năng có thẩm quyền thẩm định, cấp phép trước khi vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo quy định.

6.9. Thực hiện công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định trên cổng thông tin của Chủ dự án hoặc bằng hình thức khác theo quy định tại khoản 5 Điều 37 và Điều 114 Luật Bảo vệ môi trường.

6.10. Trong quá trình chuẩn bị, triển khai thực hiện dự án đầu tư trước khi vận hành, trường hợp có thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện theo các nội dung quy định tại khoản 4 Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường

6.11. Thực hiện chương trình quản lý và giám sát môi trường như đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt và lưu giữ số liệu để các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tiến hành kiểm tra khi cần thiết./.